

Số: **112** /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **16** tháng 5 năm 2023

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04/3/2023  
của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững  
tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Sau đây viết tắt là Nghị quyết 48*); xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2349/TTr-STNMT ngày 12/5/2023, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 48 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tổ chức quán triệt sâu rộng, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 48 phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh.

#### 2. Yêu cầu

Các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực được giao tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 48 và Kế hoạch này.

### II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

#### 1. Quan điểm

a) Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nền tảng và nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước, phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

b) Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo dựa trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển, đảm bảo phát triển kinh tế biển xanh.

c) Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và

hải đảo là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động trên biển và phải gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhằm đưa tỉnh Quảng Ngãi trở thành địa phương mạnh về biển, giàu từ biển.

## 2. Mục tiêu đến năm 2030

### a) Mục tiêu tổng quát

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hướng tới mục tiêu đưa tỉnh Quảng Ngãi trở thành địa phương mạnh về biển, giàu từ biển.

### b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

b1) Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực sau: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải và khai thác tài nguyên khoáng sản biển; (3) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (4) Công nghiệp ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

b2) Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, ở vùng ven biển, 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tải môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển, đảo.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo bao gồm các khu bảo tồn biển và ven biển.

b3) Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

b4) Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển và hải đảo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển. Thiết lập hệ thống thông tin tổng hợp về tài nguyên, môi trường biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

### 3. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa tỉnh Quảng Ngãi trở thành địa phương biển mạnh trên nền tảng tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển và các hải đảo trong lành, xã hội hài hoà với thiên nhiên.

### III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030

#### 1. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

Tài nguyên biển và hải đảo bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

##### a) Phân vùng sử dụng không gian biển

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chông chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển.

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển du lịch biển đảo, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái; trong đó chú trọng các loại hình: Du lịch nghỉ dưỡng, du lịch địa chất thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch thể thao biển, du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ, kết hợp với du lịch MICE, du lịch team buiding,...;

+ Phát triển hệ thống cảng biển xanh, các bến cảng quy mô lớn phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp; các bến cảng tại huyện đảo Lý Sơn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh và chủ quyền biển đảo;

+ Tìm kiếm thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí tại vùng ven biển;

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản xa bờ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản;

+ Phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế Dung Quất các ngành công nghiệp công nghệ cao.

+ Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường;

+ Xác định các khu vực có thể lấn biển để phát triển kinh tế - xã hội và khu vực nhận chìm ở biển trong trường hợp các vật liệu nạo vét không đổ được trên bờ;

+ Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống cảng các, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, bảo đảm đủ công suất cho tàu cá thực hiện cập cảng, neo đậu.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp. Đến năm 2030 cơ bản khắc phục được các mâu thuẫn, chông chéo trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Áp dụng các công cụ thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

e) Thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế đảo kết hợp với bảo vệ quốc phòng, an ninh, thông qua các giải pháp ưu đãi về chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

## 2. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Thực hiện định kỳ công tác điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường, xác định cấp độ rủi ro ô nhiễm môi trường biển cho phát triển kinh tế biển; phân vùng rủi ro và lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển.

c) Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển và các vấn đề liên quan khác.

d) Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí bảo vệ môi trường để triển khai Kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ thu hồi, xử lý rác thải nhựa tại các bãi biển, khu du lịch biển và khu bảo tồn biển đạt 100%.

đ) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài

nguyên, môi trường biển và hải đảo.

e) Kiện toàn tổ chức và xây dựng các công cụ, phương tiện, chế tài nhằm tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

### 3. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo

a) Bảo vệ, duy trì khu bảo tồn biển Lý Sơn; tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học ngoài khu bảo tồn; phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển bị suy thoái. Đến năm 2030, 80% các khu vực biển có đa dạng sinh học cao, dịch vụ hệ sinh thái quan trọng được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả.

b) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản.

c) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

### 4. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, hệ thống truyền tin cảnh báo sớm rủi ro trên biển và vùng ven biển để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

b) Nâng cao khả năng chống chịu, phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển, ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

c) Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

d) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

### 5. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

a) Các dự án điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được ưu tiên thực hiện theo thứ tự sau đây:

- Các dự án điều tra phát hiện tài nguyên mới;

- Các dự án phục vụ cho các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi từ biển; bảo tồn các di sản văn hóa biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Các dự án điều tra có tính chu kỳ đối với các loại tài nguyên, môi trường có sự biến động mạnh như tài nguyên sinh vật, nguồn lợi hải sản, quan trắc môi trường, hải văn.

b) Đẩy mạnh điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học để phát hiện các loại tài nguyên mới, xác định khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển đảo và sức chịu tải môi trường biển, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

#### 6. Khoa học, công nghệ

a) Xác định và củng cố cơ sở khoa học, thực tiễn; nghiên cứu đề xuất các giải pháp, ứng dụng công nghệ đột phá trong điều tra, đánh giá tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên tái tạo.

b) Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chức năng, phân vùng chức năng các khu vực biển; sức chịu tải của vùng biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

7. Triển khai Nhiệm vụ thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Ngãi.

### IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền của tỉnh

a) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh ở huyện Lý Sơn.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên biển và đảo.

c) Tăng cường năng lực và tổ chức bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp và giải quyết những mâu thuẫn chồng chéo trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

#### 2. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, cách mạng công nghệ lần thứ tư, chuyển đổi số, công nghệ số; gắn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với công tác điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Đầu tư phát triển trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại.

c) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua

các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

d) Xây dựng quy định pháp luật, chính sách khuyến khích để phát huy tri thức cộng đồng trong phát triển khoa học, công nghệ biển và hải đảo.

3. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

4. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

a) Thực hiện đồng bộ các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ có chuyên môn, có kinh nghiệm vào làm việc trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong quản lý tổng hợp và thống nhất biển.

b) Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

5. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí cho các bên liên quan được hưởng các lợi ích từ khu bảo tồn biển, các quy định hỗ trợ người dân trong khu bảo tồn biển chuyển đổi sinh kế và cơ chế phối hợp giữa các bộ, ban, ngành trong việc xây dựng, vận hành khu bảo tồn biển.

6. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

a) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, thiết lập kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Xây dựng và triển khai các công cụ, ứng dụng phân tích khai thác cơ sở dữ liệu lớn, đưa dữ liệu thành các thông tin, hỗ trợ ra quyết định trong công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo, hỗ trợ đơn vị, người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm bao gồm Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6).

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển, trên các đảo về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

d) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

8. Tham gia phối hợp các Bộ, ngành Trung ương thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ mới được đề ra trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết 48.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo điều phối liên ngành và liên địa phương cho việc thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai Nhiệm vụ thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Ngãi.

- Đầu mối tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức tổng kết tình hình thực hiện theo quy định.

3. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch này bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi trình HĐND tỉnh bố trí nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp ngân sách hiện hành và theo khả năng cân đối ngân sách.



4. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại các vùng biển và lòng ghép hoạt động này vào nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển.

5. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động thủy sản; nuôi trồng thủy sản trên biển, khai thác thủy sản bền vững; các công nghệ chế biến sâu sản phẩm thủy sản; bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển, ven đảo.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đối với lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ liên quan khác.

8. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh phát triển và nhân rộng các mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng trên biển và vùng ven biển, đẩy mạnh phát triển du lịch tại đảo Lý Sơn.

10. Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ giao phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh hoặc chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương; đồng thời thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý để tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực hợp lý thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Chủ động tham mưu UBND tỉnh phối hợp các Bộ, ngành Trung ương thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ mới được đề ra trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết 48.

c) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh Quảng Ngãi kết quả thực hiện (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước 05/12 hằng năm.

11. Các phương tiện thông tin đại chúng và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung cho phù hợp với tình hình thực tiễn; các sở, ngành, địa phương có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp, xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- BCH Quân sự tỉnh;
- BCH Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT-TH Quảng Ngãi;
- UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, KTN527.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Phước Hiền**